

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2019

**BẢN TIN VỤ ĐÔNG XUÂN 2019-2020**  
**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC**  
**PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**  
**TRÊN LƯU VỰC DÒNG CHÍNH SÔNG ĐỒNG NAI (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ)**  
**NĂM 2020**

(Từ ngày 01 tháng 12 năm 2019 đến ngày 30 tháng 04 năm 2020)

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1. Lượng mưa**

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/11/2019 như sau:

Trạm	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa trong vụ Đông Xuân 2019-2020 (mm)
		TBNN	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	
Biên Hòa	1.943,7	+ 7,6	+ 7,6	- 16,1	- 12,5	- 0,8	137,32
Bà Rịa	1.831,1	+ 21,4	+ 41,8	- 3,1	+ 20,1	+ 19,9	64,39
Bù Đăng	2.860,0	+ 10,9	- 8,4	- 7,0	+ 11,9	+ 19,0	214,91
Long Thành	1.717,6	- 8,4	+ 33,6	- 10,0	- 13,9	+ 3,4	130,21
Nhà Bè	1.282,6	- 16,0	- 26,5	- 31,8	- 31,7	- 20,8	110,32
Phước Hòa	1.661,7	- 14,1	+ 11,9	- 26,7	- 16,2	+ 3,0	164,63
Tà Lài	2.176,2	- 15,8	+ 6,3	- 20,5	- 10,7	+ 12,9	239,54
Trị An	2.012,5	- 0,1	+ 25,9	+ 7,5	+ 3,5	+ 35,0	149,10
Túc Trưng	2.372,5	+ 16,1	+ 86,2	+ 31,0	+ 9,2	+ 60,0	177,79
Vũng Tàu	1.028,1	- 29,2	- 33,6	- 38,2	- 22,8	- 19,3	65,41
Xuân Lộc	1.130,4	- 45,2	- 46,7	- 49,4	- 45,8	- 43,0	140,40
Xuyên Mộc	1.631,8	+ 10,2	+ 63,7	- 14,0	+ 3,1	+ 13,3	66,01
<b>Trung bình</b>	<b>1.804,0</b>	<b>- 5,2</b>	<b>+ 13,5</b>	<b>- 14,9</b>	<b>- 8,8</b>	<b>+ 6,9</b>	<b>138,3</b>

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

**Nhận xét:**

Trên phạm vi toàn lưu vực, lượng mưa lũy tích các trạm đo chính trên khu vực thấp hơn TBNN 24,8%, thấp hơn năm 2017 là 28,2% và thấp hơn 26,0% so với năm 2016. Lượng mưa lớn nhất tại trạm Tà Lài (2.018,7 mm) và lượng mưa nhỏ nhất trạm Long Thành (1.156,1 mm).

Theo dự báo thời hạn mùa của Trung tâm Dự báo KTTV Trung ương (bản tin cập nhật ngày 15/11/2019), lượng mưa khu vực Nam Bộ thời kỳ tháng 12/2019 tổng lượng mưa phổ biến 10-40 mm, tháng 1-2/2020 phổ biến ít mưa, tháng 3/2020 phổ biến thấp hơn từ 10-20%, tháng 4 đến tháng 5/2020 phổ biến xấp xỉ so với TBNN. Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 138,3 mm. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

## 2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	Dung tích trữ hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước
				TBNN	2018	2017	2016	
Hồ Suối Vọng	4	2,70	67,45	- 29,1	- 29,2	- 31,9	- 29,4	Giảm
Hồ Gia Ui	10,8	10,42	96,46	- 1,6	- 1,8	- 3,8	- 3,8	Giảm
Hồ Núi Le	3,5	3,39	96,88	- 3,1	- 0,5	- 4,7	- 3,9	Giảm
Hồ Suối Đàm	1,2	1,04	86,88	- 0,5	- 13,1	- 7,7	+ 12,1	Giảm
Hồ Suối Rang	2,6	2,38	91,52	+ 11,7	- 8,5	+ 3,5	+ 4,4	Giảm
Hồ Giao Thông	0,5	0,17	34,76	- 26,8	- 33,2	- 42,1	- 13,1	Giảm
Hồ Sông Mây	15	13,84	92,29	- 5,0	+ 3,1	- 4,0	- 10,2	Giảm
Hồ Mo Nang	1,15	0,95	82,78	+ 22,0	- 15,9	+ 30,4	+ 64,1	Giảm
Hồ Suối Đồi	1,2	0,43	35,52	- 57,7	- 64,5	- 59,4	- 47,4	Giảm
Hồ Cầu Mới tuyến V	9	8,80	97,78	+ 5,2	+ 22,2	+ 1,4	+ 0,1	Giảm
Hồ Cầu Mới tuyến VI	21	20,76	98,84	+ 2,4	+ 4,9	- 0,2	- 1,2	Giảm
Hồ Suối Tre	0,64	0,64	99,22	+ 9,5	- 0,6	+ 17,6	+ 17,6	Giảm
Hồ Đa Tôn	19,4	17,70	91,23	+ 8,6	+ 12,7	- 5,9	+ 29,6	Giảm
Hồ Bà Long	1,2	1,23	102,71	+ 80,6	+ 2,7	+ 141,7	+ 141,7	Giảm
Hồ Thanh Niên	0,6	0,60	100,26	+ 10,4	+ 2,2	+ 9,4	+ 11,4	Giảm
Hồ Sông Ray	215,36	128,59	59,71	- 20,4	- 18,5	- 17,5	- 28,6	Giảm
Hồ Đá Đen	33,4	21,49	64,35	- 16,0	- 8,0	- 13,7	- 25,0	Giảm
Hồ Tầm Bó	5,85	5,82	99,56	+ 6,4	+ 14,7	- 0,3	- 0,4	Giảm
Hồ Đá Bàn	11,35	9,63	84,82	- 3,3	+ 34,6	- 13,2	- 12,2	Giảm
Hồ Lò Ô	6	5,09	84,83	+ 12,0	+ 5,2	+ 19,2	+ 18,9	Giảm
Hồ Suối Giàu	12,2	11,02	90,29	+ 5,7	+ 18,7	- 3,2	- 8,2	Giảm
<b>Trung bình/Tổng</b>	<b>375,95<sup>(*)</sup></b>	<b>266,69</b>	<b>70,94</b>	<b>+ 0,5</b>	<b>- 3,5</b>	<b>+ 0,7</b>	<b>+ 5,6</b>	

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ. (\*): Giá trị tổng.

### Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 375,95 triệu m<sup>3</sup>. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 30/11/2019 trữ được ở mức khá so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 266,69 triệu m<sup>3</sup> (đạt 70,94% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kì năm 2018, xấp xỉ so với cùng kỳ năm 2018 và năm 2017.

Dự báo xu thế nguồn nước các hồ cuối vụ Đông Xuân năm 2019-2020 trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai, vùng Đông Nam Bộ: 21/21 hồ có nguồn nước giảm so với cùng kỳ năm 2018-2019.

## II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

### 1. Khả năng cấp nước

#### a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất của vụ Đông Xuân năm 2019-2020 của 21 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai (vùng Đông Nam Bộ) là **177,12** triệu m<sup>3</sup>.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2019-2020								
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				Nhu cầu nước tưới (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4
<b>Tổng cộng</b>		<b>7.809,9</b>	<b>1.477,6</b>	<b>2.476,9</b>	<b>377,2</b>	<b>31,19</b>	<b>38,51</b>	<b>36,84</b>	<b>38,93</b>	<b>31,65</b>
1	Hồ Suối Vọng			300,0		0,27	0,29	0,26	0,29	0,26
2	Hồ Gia Ui	228,5	49,6	324,5	43,6	0,67	0,92	0,97	1,01	0,84
3	Hồ Núi Le					0,12	0,12	0,10	0,12	0,11
4	Hồ Suối Đàm		10,0	60,0		0,05	0,06	0,05	0,05	0,04
5	Hồ Suối Rang			50,0		0,05	0,05	0,04	0,05	0,04
6	Hồ Giao Thông			33,8		0,03	0,03	0,03	0,03	0,03
7	Hồ Sông Mây	436,2	20,0		320,6	9,00	9,08	8,20	8,33	8,01
8	Hồ Mo Nang	40,0	2,0		4,0	0,10	0,10	0,09	0,04	0,03
9	Hồ Suối Đồi	18,2		127,6		0,13	0,16	0,15	0,17	0,15
10	Hồ Cầu Mới tuyến V	289,0	620,0		3,0	3,58	3,96	3,15	3,00	2,86
11	Hồ Cầu Mới tuyến VI									
12	Hồ Suối Tre									
13	Hồ Đa Tôn	2.030,0	50,0		6,0	4,44	4,98	4,65	5,18	1,43
14	Hồ Bà Long	50,0				0,11	0,12	0,11	0,03	0,03
15	Hồ Thanh Niên	45,0	5,0			0,10	0,11	0,10	0,03	0,02
16	Hồ Sông Ray	2.297,0	521,0	878		3,94	6,29	6,87	7,16	5,87
17	Hồ Đá Đen			300,0		6,06	6,07	5,48	6,08	5,86
18	Hồ Tâm Bó	313,0	75,0	368,0		0,76	1,08	1,14	1,20	1,00
19	Hồ Đá Bàn	1.570,0				1,08	3,93	4,11	4,79	3,95
20	Hồ Lò Ô	106,0				0,07	0,24	0,25	0,28	0,23
21	Hồ Suối Giàu	387,0	125,0	35,0		0,65	0,94	1,08	1,07	0,87

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa năm 2019 - 2020 (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )				
		Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4
1	Hồ Suối Vọng	0,42	0,57	0,46	0,49	0,46
2	Hồ Gia Ui	0,35	0,47	0,38	0,38	0,37
3	Hồ Núi Le	0,31	0,41	0,33	0,31	0,31
4	Hồ Suối Đàm	0,28	0,37	0,30	0,27	0,28
5	Hồ Suối Rang	0,31	0,42	0,34	0,28	0,25
6	Hồ Giao Thông	0,08	0,07	0,06	0,05	0,05
7	Hồ Sông Mây	8,44	4,00	3,64	7,48	7,33
8	Hồ Mo Nang	0,11	0,10	0,09	0,08	0,08
9	Hồ Suối Đồi	0,21	0,18	0,16	0,16	0,15
10	Hồ Cầu Mới tuyến V	3,10	1,48	1,12	1,01	1,12
11	Hồ Cầu Mới tuyến VI	1,85	1,43	1,10	1,02	0,89
12	Hồ Suối Tre	0,12	0,07	0,03	0,02	0,04
13	Hồ Đa Tôn	5,44	2,74	2,28	2,08	2,54
14	Hồ Bà Long	0,19	0,16	0,14	0,13	0,12
15	Hồ Thanh Niên	0,16	0,15	0,14	0,14	0,14
16	Hồ Sông Ray	16,73	13,72	11,13	10,67	9,46
17	Hồ Đá Đen	8,51	7,32	6,46	6,22	5,88
18	Hồ Tâm Bó	0,55	0,41	0,31	0,28	0,24
19	Hồ Đá Bàn	1,17	0,99	0,85	0,82	0,76
20	Hồ Lò Ô	0,90	0,66	0,49	0,45	0,38
21	Hồ Suối Giàu	1,12	0,94	0,82	0,78	0,73

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước cho vụ Đông Xuân 2019-2020, kết quả dự báo vụ Đông Xuân từ ngày 01/12/2019 đến ngày 30/04/2020 như sau:

- **14/21 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Suối Vọng, hồ Núi Le, hồ Suối Đầm, hồ Suối Rang, hồ Giao Thông, hồ Mo Nang, hồ Suối Đồi, hồ Cầu Mới tuyến VI, hồ Suối Tre, hồ Bà Long, hồ Thanh Niên, hồ Sông Ray, hồ Đá Đen, hồ Lò Ô.

- **7/21 hồ chứa có nguy cơ thiếu nước:** Hồ Gia Ui, hồ Sông Mây, hồ Cầu Mới tuyến V, hồ Đa Tôn, hồ Tầm Bó, hồ Suối Giàu, hồ Đá Bàng.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2019-2020 từ ngày 01/12/2019 đến 30/04/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Vọng	67,45	300	21,01	100	300	Đủ nước
Hồ Gia Ui	96,46	646,2	41,98	100	646,2	Có nguy cơ thiếu nước
Hồ Núi Le	96,88	0	60,45	100	0	Đủ nước
Hồ Suối Đầm	86,88	70	79,88	100	70	Đủ nước
Hồ Suối Rang	91,52	50	66,45	100	50	Đủ nước
Hồ Giao Thông	34,76	33,8	42,60	100	33,8	Đủ nước
Hồ Sông Mây	92,29	776,8	49,76	100	776,8	Có nguy cơ thiếu nước
Hồ Mo Nang	82,78	46	68,70	100	46	Đủ nước
Hồ Suối Đồi	35,52	145,8	82,30	100	145,8	Đủ nước
Hồ Cầu Mới tuyến V	97,78	912	27,87	100	912	Có nguy cơ thiếu nước
Hồ Cầu Mới tuyến VI	98,84		38,65	100		Đủ nước
Hồ Suối Tre	99,22	0	71,32	100	0	Đủ nước
Hồ Đa Tôn	91,23	2086	19,76	100	2086	Có nguy cơ thiếu nước
Hồ Bà Long	102,71	50	67,79	100	50	Đủ nước
Hồ Thanh Niên	100,26	50	57,62	100	50	Đủ nước
Hồ Sông Ray	59,71	3696	33,85	100	3696	Đủ nước
Hồ Đá Đen	64,35	300	43,36	100	300	Đủ nước
Hồ Tầm Bó	99,56	756	13,96	100	756	Có nguy cơ thiếu nước
Hồ Đá Bàng	84,82	1570	18,55	100	1570	Có nguy cơ thiếu nước
Hồ Lò Ô	84,83	106	57,93	100	106	Đủ nước
Hồ Suối Giàu	90,29	547	16,63	100	547	Có nguy cơ thiếu nước
<b>Trung bình/Tổng</b>	<b>70,94</b>	<b>12.141,6(*)</b>	<b>34,98</b>	<b>100</b>	<b>12.141,6(*)</b>	

Ghi chú: (\*) giá trị tổng.

## 2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Tà Lại	Mã Đà, Phú Lý – Vĩnh Cửu	239,5	+ 556,3	+ 12	- 66	Rủi ro hạn thấp
	Phú Xuân – Tân Phú					
Túc Trung	Xuân Thiện, Quang Trung – Thông Nhất	177,8	+ 2.476,7	+ 16,4	- 57,5	Rủi ro hạn thấp
Trị An	Cây Gáo, Đồi 61 – Trảng Bom	149,1	-	+ 15,7	- 56,1	Rủi ro hạn thấp
Long Thành	Bình Sơn, Bình An, Bà Cạn – Long Thành	1847,8	-	+ 1.746,0	+ 339,1	Rủi ro hạn thấp
<b>Trung bình</b>		<b>603,6</b>	<b>+ 1.516,5</b>	<b>+ 447,5</b>	<b>+ 39,8</b>	<b>Rủi ro hạn thấp</b>

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

### Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi thấp hơn lượng mưa TBNN 447,5% và cao hơn nhiều so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Như vậy, khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp. Tuy nhiên, khuyến cáo người dân ở vùng ngoài công trình thủy lợi có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo thời tiết và bản tin dự báo nguồn nước tiếp theo.

## 3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
12.141,6	7.809,9	4.331,7					

## III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 30/4/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 131,50 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 34,98% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 14/21 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước vụ Đông Xuân 2019-2020 theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 30/04/2020 không thay đổi. **Riêng 04 hồ thuộc tỉnh Đồng Nai (hồ Gia Ui, hồ Sông Mây, hồ Cầu Mới tuyến V, hồ Đa Tôn) và 03 hồ thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (hồ Tầm Bó, hồ Suối Giàu, hồ Đá Bàn) có nguy cơ thiếu nước, cần sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, tưới tiết kiệm nước để đảm bảo cấp nước cho vụ Đông Xuân 2019-2020 và cả những vụ sau.**

Để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Đông Xuân 2019-2020, kiến nghị một số nội dung sau: **(1)** Các vùng ngoài phạm vi cấp nước của các CTTL cần theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, nguồn nước để thực hiện kế hoạch gieo trồng, giảm thiểu thiệt hại khi nguồn nước không đảm bảo. Tranh thủ bơm, tát, trữ nước dự trữ khi có điều kiện về nguồn nước. **(2)** Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp; **(3)** Duy tu, sửa chữa công trình phục vụ phòng, chống hạn mặn. Nạo vét một số trục kênh chính, ưu tiên đầu tư nạo vét hệ thống thủy lợi nội đồng củng cố bờ bao ngăn mặn, trữ ngọt, sửa chữa các cống, bọng, điều tiết nước... để tăng khả năng trữ nước ngọt và giữ kín nước, giảm tổn thất rò rỉ, trữ nước trên hệ thống kênh rạch nội đồng chống hạn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 21 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai-vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần, tháng, vụ mùa tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 01/05/2020 ./.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

**VIỆN TRƯỞNG**